

Bản án số: **205/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 30/7/2024

“*V/v Tranh chấp thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Bê

Ông Nguyễn Hồng Phương

*- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Bắc Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.*

Ngày 30/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2024 về “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thị L**, sinh năm 1993 (Xin vắng mặt)

HKTT: **Tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái.**

Chỗ ở hiện nay: **Chợ B, Tổ dân phố C, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.**

* **Bị đơn:** Anh **Nghiêm Văn N**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú cuối cùng của anh **N** tại **Việt Nam: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bắc Giang.**

Anh **N** hiện đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị **Bùi Thị L** trình bày:*

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 115/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp

Hòa đã giải quyết công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và anh **Nghiêm Văn N**, đồng thời Tòa án đã cho chị được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu **Nghiêm Yến N1**, sinh ngày 27/02/2013 và giao cho anh **Nghiêm Văn N** được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu **Nghiêm Bùi Gia H**, sinh ngày 27/01/2015. Trước khi ly hôn, cả cháu **N1** và cháu **H** đều ở cùng chị tại **Chợ B, tổ dân phố C, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên**. Cuối năm 2023 anh **Nghiêm Văn N** đi xuất khẩu lao động tại Nga nhưng cũng không hề nói gì với chị, không quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Nghiêm Bùi Gia H**. Từ khi ly hôn đến nay anh **N** cũng không hề chu cấp cho chị để nuôi dưỡng con chung, toàn bộ chi phí sinh hoạt học tập của các cháu đều do chị là người trực tiếp chi trả. Đến nay cháu **H** vẫn đang ở cùng chị tại **Chợ B, tổ dân phố C, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên** và cháu hiện đang học lớp 3 tại **Trường tiểu học B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên**.

Đến nay chị xác định anh **N** đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, không ở nhà nên không có đủ điều kiện để chăm sóc cháu **H**. Các cháu còn nhỏ, đang ở độ tuổi đi học, cần có sự quan tâm chăm sóc của bố mẹ; cháu **H** hiện nay cũng đã đủ 08 tuổi và cháu có nguyện vọng được ở cùng với chị để được học tập, phát triển tốt hơn. Hiện nay chị đang làm tại **Công ty TNHH D** tại **Khu công nghiệp P, huyện V, tỉnh Hưng Yên**, thu nhập ổn định khoảng 10 triệu/ 1 tháng; về chỗ ở hiện nay chị và các con đang ở ổn định tại **Chợ B, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên** nên chị hoàn toàn có đủ điều kiện về kinh tế, thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **H**.

Chị đề nghị Tòa án giao cháu **N2 Bùi Gia H** cho chị được nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh **Nghiêm Văn N** phải cấp dưỡng nuôi cháu **N2 Bùi Gia H** cho chị số tiền 2.000.000đồng / 1 tháng.

* Bị đơn là anh **Nghiêm Văn N** hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh **N** đến nay không nhận được thông tin của anh **N**.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố đẻ của anh **N** là ông **Nghiêm Đình L1**, sinh năm 1958; địa chỉ: **Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bắc Giang**, ông có ý kiến trình bày như sau:

Ông là bố đẻ của anh **Nghiêm Văn N**, sinh năm 1984, anh **N** hiện nay đang sinh sống tại Nga từ năm 2023. Gia đình ông vẫn thường xuyên liên hệ với anh **N** qua điện thoại nhưng không biết địa chỉ của anh **N** ở Nga. Anh **N** và chị **L** có 02 con chung, khi ly hôn năm 2022 thì anh **N** và chị **L** đã thỏa thuận ly hôn mỗi người nuôi 01 con chung, cụ thể anh **N** nuôi dưỡng cháu **N2 Bùi Gia H**. Sau đó cháu **H** vẫn ở cùng anh **N** và học lớp 1 tại **Trường tiểu học B1**. Đến cuối năm 2022 thì chị **L** về đón cháu **H** xuống Hưng Yên ở và chuyển xuống học tại đó đến nay. Khi anh **N** ở nhà nhiều lần xuống đón cháu **H** về nhà học nhưng chị **L** giữ con không muốn cho cháu **H** về ở với anh **N**. Đầu năm 2023 anh **N** đi lao động tại Nga, cháu **H** hiện vẫn đang ở cùng chị **L** tại Hưng Yên. Bản thân chị **L**

hiện nay đang làm công nhân tại Hưng Yên, phải thuê nhà ở trọ nên không có đủ thời gian và điều kiện để nuôi dưỡng cả hai con chung. Dự kiến năm 2026 anh **N** sẽ về nước sinh sống nên anh **N** có ý kiến không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị **L**, đề nghị Tòa án giữ nguyên thỏa thuận nuôi con chung trước đây của anh **N** và chị **L**.

* Tòa án đã làm việc với cháu **N2 Bùi Gia H**, cháu trình bày như sau: cháu là con đẻ của bố **Nghiêm Văn N** và mẹ **Bùi Thị L**. Từ lâu cháu vẫn ở với mẹ và chị gái tại **Chợ B, tỉnh Hưng Yên** và cháu đang học lớp 3A5 **trường Tiểu học B số 1**. Bố cháu đang đi nước ngoài chỉ thỉnh thoảng gọi điện về hỏi thăm cháu. Khi ở cùng với mẹ cháu được mẹ chăm sóc đầy đủ, được mẹ quan tâm học tập và vui chơi. Nay cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ **L**.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị **L** xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh **N** vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Căn cứ Điều 58, Điều 68, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Bùi Thị L** đối với anh **Nghiêm Văn N** về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Giao con chung là cháu **N2 Bùi Gia H**, sinh ngày 27/01/2015 cho chị **Bùi Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Nghiêm Văn N** cấp dưỡng nuôi cháu **H** cho chị **Bùi Thị L** là 2.000.000 đồng / 01 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 08/2024 cho đến khi cháu **H** đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về án phí: anh **Nghiêm Văn N** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Trả lại chị **L** tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: chị **Bùi Thị L** là người Việt Nam có đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn đối với anh **Nghiêm Văn N**. Bị đơn anh **Nghiêm Văn N** ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 7175/QLXNC-P3 ngày 10/4/2024 của **Cục Q - Bộ C** thì anh **Nghiêm Văn N** đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 26/11/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn” theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn được xác định là đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị **L** có đề nghị xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh **N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã làm việc với ông **Nghiêm Văn L2** là bố đẻ của anh **N** xác định hiện anh **N** đang ở nước ngoài nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể của anh **N** ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh **N** theo quy định tại khoản 5 Điều 177; Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị **Bùi Thị L** với anh **Nghiêm Văn N** về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn:

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 115/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **L** và anh **N**; về con chung giao cháu **Nghiêm Yên N1**, sinh ngày 27/02/2013 cho chị **L** nuôi dưỡng và giao cháu **Nghiêm Bùi Gia H**, sinh ngày 27/01/2015 anh **N** nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn thì cháu **H** thời gian đầu ở cùng anh **N** nhưng sau đó đã chuyển đến ở cùng chị **L** tại Hưng Yên và hiện cháu đang học **Trường tiểu học B** đến nay.

Năm 2023 anh **N** đi xuất khẩu lao động tại Nga đến nay chưa về nước. Xét điều kiện nuôi dưỡng cháu **H** của thì thấy: Anh **N** hiện nay đang đi lao động tại nước ngoài không có mặt tại địa phương, không trực tiếp nuôi dưỡng cháu **H** nên không có đủ điều kiện để chăm sóc cho cháu **H**. Bản thân cháu **H** hiện nay đang ở với chị **L** tại **Chợ B, Tổ dân phố C, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên** và cháu đang học tại **Trường tiểu học B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên**; cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị **L** hiện nay đang có công việc và thu nhập ổn định khoảng 10 triệu/ 1 tháng nên chị có đủ điều kiện để chăm sóc cho con

chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu **H**, cũng như để ổn định về cuộc sống, sinh hoạt, học tập và sự phát triển bình thường của cháu, HĐXX căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị **Bùi Thị L** được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu **N2 Bùi Gia H**, sinh ngày 27/01/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **L** yêu cầu anh **N** phải cấp dưỡng nuôi cháu **H** là 2.000.000đồng / 1 tháng cho đến khi cháu con đủ 18 tuổi. Xét thấy hiện nay chị **L** đang nuôi cả hai con chung, mức yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu **H** do chị **L** yêu cầu là phù hợp với điều kiện sinh hoạt, học tập của cháu. Do đó, HĐXX chấp nhận đề nghị của chị **L** về việc yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi cháu **H** 2.000.000đồng/ 1 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu **H** đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh **Nghiêm Văn N** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều u 26, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh **Nghiêm Văn N** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Trả lại chị **L** tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 58, Điều 68, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Bùi Thị L** đối với anh **Nghiêm Văn N** về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Giao con chung là cháu **N2 Bùi Gia H**, sinh ngày 27/01/2015 cho chị **Bùi Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh **Nghiêm Văn N** phải cấp dưỡng nuôi cháu **N2 Bùi Gia H** cho chị **Bùi Thị L** 2.000.000đồng/ 1 tháng. Thời gian

cấp dưỡng từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu **H** đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh **Nghiêm Văn N** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Anh **Nghiêm Văn N** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trả lại chị **Bùi Thị L** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0001092 ngày 07/3/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh **Nghiêm Văn N** hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị **Bùi Thị L** cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hường